

Số: 57/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 02 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 06, tổ 1, phường M, thành Phố Điện B, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 15/01/2015 cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Hải A mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3 năm 2021. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì anh Trung phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

2.3: Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có. Nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4: Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị H tự nguyện chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000812 ngày 18/11/2020 tại Chi cục THADS huyện Điện Biên, Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA dân sự H. Đ;
- VKSND H.Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên

